

Bản án số: 951/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Bà Lê Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 357B Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 10673 Stanford Ave Garden Grove, CA 92840, Hoa Kỳ.

Địa chỉ liên hệ: 2342W Falmouth Ave Anaheim California, USA.

(Đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/11/2018, bản tự khai ngày 12/3/2013 của nguyên đơn ông Nguyễn Chí Đ trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Ngọc B tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 180 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2016. Sau khi kết hôn chúng tôi chưa sống chung như vợ chồng, bà B trở về Hoa Kỳ sinh sống, chúng tôi vẫn liên lạc với nhau cho đến tháng 5 năm 2017 thì chính thức chia tay cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn không có, mục đích hôn nhân không đạt được do mỗi người ở một nơi nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc B để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Đ khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Đ khai không có.

Tại bản tự khai ngày 30/4/2019 của bà Nguyễn Ngọc B đã được hợp thức hóa lãnh sự tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ ngày 12/6/2019 trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Chí Đ đã tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 180 do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2016. Sau khi kết hôn vào giữa tháng 01 năm 2017 thì tôi trở về Hoa Kỳ, chúng tôi vẫn liên lạc với nhau cho đến tháng 5 năm 2017 thì chính thức chia tay do tính tình không hợp nhau và không còn tình cảm. Tôi đã làm thủ tục ly hôn với ông Nguyễn Chí Đ tại Hoa Kỳ. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Chí Đ thì tôi đồng ý để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Ngọc B khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc B khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 10/7/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Chí Đ có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc B có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bà đã cung cấp lời khai đầy đủ và bận công việc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Ngọc B đang cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Nguyễn Chí Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Ngọc B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Chí Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Chí Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 180 do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2016 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Chí Đ và bà Nguyễn Ngọc B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời khai của Đ thì vợ chồng không chung sống cùng nhau mà mỗi người một nơi lúc đầu 02 vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng đến tháng 5 năm 2017 vợ chồng chính thức chia tay không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông Đ bà B mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, ông Đ bà B có lời khai thuận tình ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nhưng do bà B không tham gia phiên tòa nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ: Ông Nguyễn Chí Đ được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc B.

Con chung: Ông Nguyễn Chí Đ và bà Nguyễn Ngọc B khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Chí Đ và bà Nguyễn Ngọc B khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Chí Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí Đ.

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí Đ được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 180 do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2016 cho ông Nguyễn Chí Đ và bà Nguyễn Ngọc B không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0046111 ngày 31/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Chí Đ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Nguyễn Ngọc B thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Quận 11, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**